

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 29/6/2020

*“Yêu cầu chia di sản
thừa kế”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Tấn Hoàng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu On

Bà Nguyễn Thị Xuân Thương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Thu Hà, Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018 về việc *“Yêu cầu chia di sản thừa kế”*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐ-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1946; Nơi cư trú: thôn B, xã X, thị xã S, Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Nh, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: thôn B, xã X, thị xã S, Phú Yên. Xin vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Ngọc Th1, sinh năm: 1967; Nơi cư trú: Fabrikstrasse 22, D-64720 (Nước Đức); Vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969; Nơi cư trú: Momater Weg Str.13 64720 Michelstadt (Nước Đức); Vắng mặt. Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Y.

- Nguyễn Thị Th2, sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Thôn 2, xã X, thị xã S, Phú Yên; Vắng mặt. Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Y.

- Nguyễn Thị Hồng Th3, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Hammerweg str.3 64720

Michelstradt (Nước Đức); Vắng mặt. Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Y.

- Nguyễn Thị Tường V, sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Dr.Kurt-schumacher – Ring 44, 64720 Michelstradt (Nước Đức); Vắng mặt. Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Y

- Nguyễn Thị D, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: 624/54/48A H, Phường 12, Quận 6, TP Hồ Chí Minh; Vắng mặt. Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Y.

- Bà Võ Thị Thu H1, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2018, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày: Bà và chồng là ông Nguyễn Ngọc L có nhận chuyển Nh một thửa đất 1.135,4 m² tọa lạc tại thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vợ chồng bà có xây dựng ngôi nhà cấp 4 trên đất để ở và được UBND thị xã S cấp GCN QSDĐ, nay chồng bà đã chết không để lại di chúc, do tuổi già sức yếu thường xuyên đau bệnh cần có tiền để lo thuốc men, nên bà quyết định chuyển nhượng nhà và đất nói trên cho người khác, các con đều đồng ý riêng ông Nh và ông Th1 cản trở. Do đó, bà yêu cầu Tòa chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của chồng bà.

Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Nh trình bày: Ông đồng ý cho bà Y chuyển nhượng đất, nhưng bà Y phải trích ra một diện tích đất có chiều mặt tiền hướng ra biển đường C – D từ khoản 5 m để ông xây dựng nhà ở, thờ tự cha ông Nguyễn Ngọc L tương đương với phần thừa kế ông và ông Th1 được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Th2, Nguyễn Thị Hồng Th3, Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị D: Trình bày như ý kiến của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y, đều đồng ý giao kỷ phần thừa kế của mình cho bà Nguyễn Thị Y được quyền sở hữu gắn liền quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc Th1 đã được Tòa án ủy thác tư pháp các văn bản tố tụng thông qua cơ quan tư pháp tại Công hòa liên bang Đức, ông Th1 đã nhận nhưng không có văn bản trả lời.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu H1 trình bày như bị đơn.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm đã trình bày;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa, riêng ông Nguyễn Ngọc Th1 vắng mặt nên đề nghị HĐXX xét xử theo thủ tục vắng mặt, giao kỷ phần được nhận của ông Th1 cho ông Nh quản lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế; Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Ngọc Th1, Địa chỉ: Fabrikstrasse 22, D-64720 (Nước Đức); Bà Nguyễn Thị H, Địa chỉ: Momater Weg Str.13 64720 Michelstadt (Nước Đức); Nguyễn Thị Hồng Th3, Địa chỉ: Hammerweg str.3 64720 Michelstadt (Nước Đức); Nguyễn Thị Tường V, Địa chỉ: Dr.Kurt-schumacher – Ring 44, 64720 Michelstadt (Nước Đức), nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Đối với Ông Nguyễn Ngọc Th1 (Đang định cư ở Đức).* Tòa án đã thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng và yêu cầu ông Th1 trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Th1, nhưng ông Th1 không có văn bản trình bày, nên căn cứ Điểm c Khoản 5 Điều 477 BLTTDS, Tòa án quyết định xét xử theo thủ tục vắng mặt.

[3] Năm 1992 bà Nguyễn Thị Y và chồng ông Nguyễn Ngọc L có nhận chuyển nhượng thửa đất 1.135,4m² tọa lạc tại thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng bà Y có xây dựng một ngôi nhà cấp 4, đến năm 1997 được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013 ông Nguyễn Ngọc L chết không để lại di chúc, đến ngày 24/2/2016 UBND thị xã S cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 027651, số thửa 599, tờ bản đồ 12-ĐC diện tích 1.135,4m² đứng tên bà Nguyễn Thị Y, nên cần xác định nhà và đất trên là tài sản do bà Y và ông L tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, ông L chết nên ½ giá trị nhà đất trên là di sản của ông L còn lại ½ giá trị nhà đất thuộc quyền sở hữu của bà Y. Do đó bà Y yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của ông L là có cơ sở.

[4] *Hàng thừa kế thứ nhất của ông L:* gồm có 07 người con Nguyễn Ngọc Th1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Th2, Nguyễn Thị Hồng Th3, Nguyễn Thị Tường V, Nguyễn Thị D, Nguyễn Nh và vợ là bà Nguyễn Thị Y. Theo biên bản định giá ngày 14/9/2018 thì giá trị di sản thừa kế của ông L gồm: diện tích đất 1.135,4m² (trong đó 200m² đất ở + 935,4m² BHK)/2 giá trị là ((200m² x 1.750.000đ/m²)+(935,4m² x

$90.000\text{đ}/\text{m}^2)/2=217.093.000\text{đ}$; Giá trị ngôi nhà cấp 4 một tầng, móng đá, mái lợp ngói, tường gạch: $121.389.000\text{đ}/2 = 60.694.500\text{đ}$; Tổng giá trị di sản thừa kế của ông L là: $217.093.000\text{đ}+60.694.500\text{đ}= 277.787.500\text{đ}$ được chia cho 08 kỳ phần mỗi kỳ phần được nhận là 34.723.437đ.

[5] Tại phiên tòa cũng như trong quá trình hòa giải nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị Y giao cho ông Nguyễn Nh và ông Nguyễn Ngọc Th1 diện tích đất tại thửa số 582, tờ bản đồ số 12, diện tích 555.5m² (Trong đó 80m² ONT + 475.5m² BHK) Tứ cận: Đông giáp đất ông Nguyễn Văn H2; Tây giáp đường bê tông liên xóm và phần đất nhà bà Y; Nam giáp đất ông Huỳnh Văn Ch; Bắc giáp đường C – D và phần đất nhà bà Y. Trong đó một phần diện tích 232,8 m² BKH thuộc thửa số 582, tờ bản đồ số 12 giao cho ông Nh và ông Th1 được nhận quyền sở hữu gắn liền quyền sử dụng đất, mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ tương đương phần thừa kế hai ông được hưởng, ông Th1 đang định cư ở nước ngoài nên ông Nh đại diện nhận và quản lý. Một phần diện tích đất gắn liền với nhà ở (có nhà ông Nguyễn Nh trên đất) tại thửa số 582, tờ bản đồ số 12, với diện tích 322,7 m²(80m² OTN + 242,7m² BKH) Tứ cận: Đông giáp đất nhà ông Nguyễn Văn H2; Tây giáp đường bê tông liên xóm; Nam giáp đất ông Huỳnh Văn Ch; Bắc giáp đất của bà Nguyễn Thị Y giao cho vợ chồng ông Nguyễn Nh sở hữu gắn liền quyền sử dụng đất. Riêng phần diện tích nhà bà Y và nhà vệ sinh nằm trên thửa đất số 582, tờ bản đồ số 12 bà Y phải tháo dỡ vì không còn giá trị.

Giao cho bà Nguyễn Thị Y được quyền sở hữu nhà gắn liền quyền sử dụng đất tại thửa số 581, tờ bản đồ 12, diện tích 579,9 m² (120m² OTN + 459,9BKH); Tứ cận: Đông giáp thửa đất 582; Tây giáp đường bê tông liên xóm; Nam giáp nhà ông Nguyễn Nh; Bắc giáp đường C – D.

Sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, nên cần ghi nhận và chấp nhận quan điểm của VKS tại phiên tòa .

[6] Về chi phí thẩm định tại chỗ, định giá và án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Đối với bà Nguyễn Thị Y là người cao tuổi, có công với cách mạng, bị bệnh hiểm nghèo và bà Y có đơn xin miễn án phí, nên cần miễn án phí đối với bà Y.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 37, 147, 475, 476, 477 BLTTDS 2015; Điều 213, 219 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 29, khoản 1, 2 Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 207, 209, 213, Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự

2015; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Y theo đơn khởi kiện ngày 05/2/2018 về yêu cầu “*chia di sản thừa kế theo pháp luật*”

2. Giao cho ông Nguyễn Nh và ông Nguyễn Ngọc Th1 được quyền sử dụng đất 232,8 m² (BKH) mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất $232,8\text{m}^2/2 = 116,4\text{m}^2$ theo thửa số 582, tờ bản đồ 12, chiều dài từ cột mốc số 8 đến cột mốc số 11, chiều rộng từ cột mốc số 2 đến cột mốc số 8. Tứ cận: Đông giáp đất ông Nguyễn Văn H2; Tây giáp đường bê tông liên xóm; Nam giáp nhà ông Nguyễn Nh; Bắc giáp đường C – D tọa lạc tại thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Ông Nguyễn Nh có trách nhiệm quản lý phần tài sản của ông Nguyễn Ngọc Th1. Bà Nguyễn Thị Y phải tháo một phần nhà chính và nhà vệ sinh trên thửa 582, trả lại hiện trạng cho ông Nh và ông Th1.

Giao cho ông Nguyễn Nh được quyền sở hữu nhà gắn liền quyền sử dụng đất 322,7 m² (80m² OTN + 242,7m² BKH) thửa số 582, tờ bản đồ 12, chiều rộng tính từ cột mốc số 4 đến cột mốc số 11, Chiều dài tính từ cột mốc số 4 đến cột mốc số 15; Tứ cận: Đông giáp đất nhà ông Nguyễn Văn H2, Tây giáp đường bê tông liên xóm, Nam giáp đất ông Huỳnh Văn Ch, Bắc giáp đất của bà Nguyễn Thị Y tọa lạc tại thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Giao cho bà Nguyễn Thị Y được quyền sở hữu nhà gắn liền quyền sử dụng đất 579,9 m² (120m² OTN + 459,9BKH) thửa số 581, tờ bản đồ số 12; chiều rộng từ cột mốc số 1 đến cột mốc số 2, chiều dài từ cột mốc số 2 đến cột mốc số 3. Tứ cận: Đông giáp thửa đất 582, Tây giáp đường bê tông liên xóm, Nam giáp nhà ông Nguyễn Nh; Bắc giáp đường C – D, tọa lạc tại thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

(Toàn bộ nhà đất giao trên đều Kèm theo sơ đồ bản vẽ lập ngày 05/9/2018)

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích được nhận theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí định giá: Bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Nh thỏa thuận mỗi người chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí thẩm định tại chỗ và định giá. Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Nh đã nộp đủ.

4. Về chi phí ủy thác tư pháp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y tự nguyện chịu 3.000.000đ tiền ủy thác tư pháp. Bà Y đã nộp đủ.

5. Về án phí:

Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị Y, nên hoàn trả lại cho bà Y 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí DSST tại biên lai số 0008493 ngày 27/3/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

- Ông Nguyễn Nh và ông Nguyễn Ngọc Th1 do ông Nh đại diện phải chịu 1.047.600 đồng. (*Một triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*).

- Ông Nguyễn Nh phải chịu án phí DSST là 8.092.150 đồng (*Tám triệu không trăm chín mươi hai nghìn một trăm năm mươi đồng*) về phần giá trị tài sản được nhận riêng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS tỉnh Phú Yên;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- P.KTNV&THA;
- Lưu:HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hoàng